

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 PHƯỜNG THANH LIỆT NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: NGỮ VĂN

(Kèm theo Thông báo số

/TB-UBND ngày 26/11/2025 của UBND phường Thanh Liet

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Môn	Điểm
1	A15	Trương Đỗ Ngân Hà	24/10/2011	9A1	Tân Triều	Ngữ văn	15.50
2	A23	Phạm Tuệ Minh	27/05/2011	9A2	Tân Triều	Ngữ văn	14.50
3	A27	Phạm Linh Giang	08/05/2011	9A2	Tân Triều	Ngữ văn	14.50
4	A18	Nguyễn Bảo Phương	27/10/2011	9A1	Tân Triều	Ngữ văn	14.00
5	A13	Chu Thị Khánh Linh	11/03/2011	9A3	Tân Triều	Ngữ văn	13.50
6	A01	Phạm Lê Phương Thảo	02/09/2011	9A1	Chu Văn An	Ngữ văn	13.00
7	A49	Cù Hoàng Quyên	15/01/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	13.00
8	A58	Vũ Nguyễn Hà	07/12/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	13.00
9	A60	Hoàng Minh Châu	09/07/2011	9V1	Vietchool Pandora	Ngữ văn	13.00
10	A17	Vũ Nguyễn Bình Nhi	19/05/2011	9A1	Tân Triều	Ngữ văn	12.50
11	A51	Bùi Thùy Dương	13/02/2011	9A4	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	12.50
12	A53	Nghiêm Hà Linh	15/10/2012	8TA1	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	12.50
13	A02	Phạm Minh Hà	04/04/2011	9A3	Chu Văn An	Ngữ văn	12.00
14	A14	Lê Hương Giang	01/01/2011	9A1	Tân Triều	Ngữ văn	12.00
15	A16	Lương Thị Thanh Mai	24/02/2011	9A1	Tân Triều	Ngữ văn	12.00
16	A62	Lê Hải Yến	15/10/2011	9V1	Vietchool Pandora	Ngữ văn	12.00
17	A03	Nguyễn Ngọc Cẩm	12/01/2011	9B1	Chu Văn An	Ngữ văn	11.50
18	A61	Đoàn Vũ Thảo Tâm	10/02/2011	9V1	Vietchool Pandora	Ngữ văn	11.50
19	A05	Đỗ Khánh Chi	08/12/2011	9C1	Chu Văn An	Ngữ văn	11.00
20	A07	Ngô Ngọc Diệp	21/11/2011	9C1	Chu Văn An	Ngữ văn	11.00
21	A08	Nguyễn Vân Khánh	23/05/2011	9C1	Chu Văn An	Ngữ văn	11.00
22	A10	Hoàng Thái An	05/05/2011	9A3	Tân Triều	Ngữ văn	11.00
23	A19	Đào Minh Quang	02/06/2011	9A1	Tân Triều	Ngữ văn	11.00
24	A31	Lê Bảo Ngọc	18/07/2012	8A3	Nguyễn Lâm	Ngữ văn	11.00
25	A34	Nguyễn Hà Phương Thảo	05/09/2011	9A0	Nguyễn Lâm	Ngữ văn	11.00
26	A39	Đặng Khánh An	24/11/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	11.00
27	A41	Nguyễn Thùy Dương	29/09/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	11.00
28	A54	Đỗ Lan Anh	06/07/2012	8A3	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	11.00
29	A59	Phạm Phương Vy	20/05/2012	8TA0	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	11.00
30	A09	Nguyễn Minh Tổ Tâm	30/12/2011	9C1	Chu Văn An	Ngữ văn	10.75
31	A04	Đỗ Ngân Giang	12/04/2011	9B1	Chu Văn An	Ngữ văn	10.50
32	A12	Hoàng Mai Trang	02/05/2011	9A3	Tân Triều	Ngữ văn	10.50
33	A20	Nguyễn Thủy Tiên	18/06/2011	9A1	Tân Triều	Ngữ văn	10.50
34	A25	Lê Hà Phương	20/05/2011	9A2	Tân Triều	Ngữ văn	10.50

35	A35	Bùi Thị Thu	Minh	10/08/2011	9A2	Nguyễn Lâm	Ngữ văn	10.50
36	A36	Nguyễn Quỳnh	Chi	30/06/2011	9A0	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	10.50
37	A46	Trần Thanh	Thảo	26/11/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	10.50
38	A52	Tăng Vũ Diệp	Anh	02/08/2012	8TA1	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	10.50
39	A57	Mai Bảo	Khánh	27/02/2012	8TA1	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	10.50
40	A21	Triệu Vi	Vi	11/02/2011	9A1	Tân Triều	Ngữ văn	10.25
41	A06	Nguyễn Khánh	Chi	09/07/2011	9C1	Chu Văn An	Ngữ văn	10.00
42	A11	Nguyễn Diệu	An	30/10/2011	9A3	Tân Triều	Ngữ văn	10.00
43	A33	Hoàng Hương	Giang	05/08/2011	9A0	Nguyễn Lâm	Ngữ văn	10.00
44	A45	Nguyễn Bình	Nguyên	07/03/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	10.00
45	A50	Bùi Thùy	Chi	13/02/2011	9A4	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	10.00
46	A55	Lê Minh	Thư	15/12/2012	8A3	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	10.00
47	A24	Giang Hà	My	12/01/2011	9A2	Tân Triều	Ngữ văn	9.00
48	A43	Nguyễn Hoàng	Linh	24/07/2012	8TA1	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	8.75
49	A48	Nguyễn Vũ Trúc	Linh	13/12/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	8.75
50	A28	Nguyễn Minh	Ngọc	27/11/2011	9A1	Nguyễn Lâm	Ngữ văn	8.50
51	A30	Chu Minh	Anh	29/03/2011	9A1	Nguyễn Lâm	Ngữ văn	8.50
52	A32	Quách Ngọc	Châu	20/10/2012	8A2	Nguyễn Lâm	Ngữ văn	8.50
53	A38	Mai Hà	Lâm	16/06/2011	9A0	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	8.50
54	A40	Bùi Ngọc	Diệp	30/07/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	8.50
55	A44	Ngô Nguyên	Khanh	19/08/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	8.50
56	A47	Vương Ngọc	Mai	15/11/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	8.50
57	A56	Phan Thanh	Vân	22/07/2012	8TA1	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	8.50
58	A63	Nguyễn Ngọc Bảo	An	24/6/2011	9V1	Vietchool Pandora	Ngữ văn	8.50
59	A22	Phạm Bảo	Chi	29/03/2011	9A2	Tân Triều	Ngữ văn	8.25
60	A29	Triệu Quang	Trí	06/12/2011	9A1	Nguyễn Lâm	Ngữ văn	8.25
61	A26	Hoàng Thục	Anh	24/05/2011	9A2	Tân Triều	Ngữ văn	8.00
62	A37	Nguyễn Thị Thái	Hà	21/07/2011	9A0	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	8.00
63	A42	Vũ Nguyên	Hà	07/12/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Ngữ văn	Trùng tên

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 PHƯỜNG THANH LIỆT NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: TOÁN 9

(Kèm theo Thông báo số

/TB-UBND ngày 26/11/2025 của UBND phường Thanh Liệt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Môn	Điểm
1	A71	Nguyễn Lê Hương Giang	06/12/2011	9B3	Chu Văn An	Toán	15.75
2	A70	Trần Minh Quang	11/01/2011	9C1	Chu Văn An	Toán	14.25
3	A86	Vũ Quang Anh	19/07/2012	8A0	Nguyễn Lâm	Toán	14.00
4	A75	Vũ Minh Hưng	03/06/2011	9A3	Tân Triều	Toán	13.75
5	A101	Hoàng Thuỳ Dương	23/02/2011	9A2	Thanh Xuân Nam	Toán	13.50
6	A77	Nguyễn Minh Diễm	30/12/2011	9A1	Tân Triều	Toán	13.25
7	A87	Nguyễn Duy Hưng	13/06/2011	9A0	Nguyễn Lâm	Toán	13.25
8	A88	Lê Anh Khoa	25/04/2011	9A0	Nguyễn Lâm	Toán	13.25
9	A66	Vũ Bảo Nguyên	02/02/2011	9A1	Chu Văn An	Toán	13.00
10	A80	Trần Gia Huy	03/06/2011	9A1	Tân Triều	Toán	13.00
11	A79	Đàm Thanh Hải	04/03/2011	9A1	Tân Triều	Toán	12.75
12	A64	Nguyễn Thành Long	08/10/2011	9A1	Chu Văn An	Toán	12.25
13	A69	Vũ Ngọc Minh	01/06/2011	9C1	Chu Văn An	Toán	12.00
14	A73	Nguyễn An	16/07/2011	9C1	Chu Văn An	Toán	12.00
15	A78	Triệu Khánh Duy	20/06/2011	9A1	Tân Triều	Toán	12.00
16	A97	Trần Minh Khang	21/06/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Toán	12.00
17	A72	Nguyễn Đình Gia Huy	18/09/2011	9B4	Chu Văn An	Toán	11.75
18	A76	Ngô Gia Bảo	24/04/2011	9A1	Tân Triều	Toán	11.50
19	A91	Nguyễn Sơn Tùng	11/01/2011	9A1	Nguyễn Lâm	Toán	11.50
20	A68	Nguyễn Bá Phong	14/02/2011	9A3	Chu Văn An	Toán	11.00
21	A85	Nguyễn Thúy Hồng Ngọc	29/10/2011	9A2	Tân Triều	Toán	11.00
22	A81	Giang Minh Quang	06/09/2011	9A1	Tân Triều	Toán	10.50
23	A98	Phạm Quang Minh	27/08/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Toán	10.50
24	A92	Trần Minh Trí	28/07/2011	9A2	Nguyễn Lâm	Toán	10.25
25	A95	Mai Như Bình	24/08/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Toán	10.25
26	A67	Nguyễn Lương Khánh Nhi	19/03/2011	9A1	Chu Văn An	Toán	10.00
27	A74	Phạm Huy Hoàng	05/07/2011	9B4	Chu Văn An	Toán	10.00
28	A103	Nguyễn Võ Duy Khang	15/10/2011	9A5	Thanh Xuân Nam	Toán	9.50
29	A83	Triệu Minh Đức	02/03/2011	9A2	Tân Triều	Toán	9.25
30	A90	Kiều Võ Huy Hoàng	16/04/2011	9A1	Nguyễn Lâm	Toán	9.00
31	A104	Bùi Trung Hiếu	03/01/2012	8A4	Thanh Xuân Nam	Toán	8.50

32	A89	Bùi Đức Anh	Khôi	25/03/2011	9A0	Nguyễn Lâm	Toán	8.00
33	A96	Lê Đức	Hưng	23/05/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Toán	7.50
34	A65	Phùng Duy	Thái	04/07/2011	9A1	Chu Văn An	Toán	7.00
35	A94	Nguyễn Anh	Tuấn	13/05/2011	9A0	Thanh Xuân Nam	Toán	7.00
36	A93	Phạm Chấn	Phong	21/07/2011	9A0	Thanh Xuân Nam	Toán	6.00
37	A99	Trần Tuấn	Anh	15/12/2011	9A2	Thanh Xuân Nam	Toán	6.00
38	A84	Cao Anh	Kiên	13/01/2011	9A2	Tân Triều	Toán	5.75
39	A102	Đặng Hoài	Anh	10/12/2011	9A5	Thanh Xuân Nam	Toán	5.50
40	A100	Dương Minh	Anh	22/05/2011	9A2	Thanh Xuân Nam	Toán	4.75
41	A82	Nguyễn Đức	Thành	21/02/2011	9A1	Tân Triều	Toán	3.50

Handwritten signature/initials.

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 PHƯỜNG THANH LIỆT NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ - PHÂN MÔN ĐỊA LÝ 9

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày 26/11/2025 của UBND phường Thanh Liet

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Môn	Điểm
1	A128	Nguyễn Đỗ Khánh Linh	22/11/2011	9A1	Chu Văn An	Địa lý	15.00
2	A110	Ngô Vũ Hà Anh	31/03/2011	9A2	Chu Văn An	Địa lý	14.75
3	A121	Nguyễn Phạm Minh Long	01/11/2011	9A4	Thanh Xuân Nam	Địa lý	13.25
4	A114	Dương Bách Diệp	01/08/2011	9A1	Tân Triều	Địa lý	12.50
5	A125	Đặng Quế Anh	29/03/2011	9C1	Chu Văn An	Địa lý	12.50
6	A116	Phạm Anh Tuấn	25/04/2011	9C1	Chu Văn An	Địa lý	12.00
7	A133	Triệu Anh Hoa	31/08/2011	9A2	Tân Triều	Địa lý	12.00
8	A122	Trần Cao Ngọc Minh	29/10/2011	9C1	Chu Văn An	Địa lý	11.75
9	A129	Trần Trúc Quỳnh	20/06/2011	9A1	Tân Triều	Địa lý	11.75
10	A108	Đoàn Việt Anh	05/12/2012	8A1	Tân Triều	Địa lý	11.00
11	A117	Nguyễn Linh Đan	13/11/2011	9A1	Tân Triều	Địa lý	11.00
12	A105	Lê Đức Thành	23/03/2011	9A2	Chu Văn An	Địa lý	10.75
13	A124	Lê Hồng Phúc	12/03/2011	9A4	Thanh Xuân Nam	Địa lý	10.75
14	A132	Triệu Văn Hiến	30/01/2011	9A5	Thanh Xuân Nam	Địa lý	10.75
15	A107	Mạc Văn Khánh	29/07/2011	9A0	Nguyễn Lân	Địa lý	10.25
16	A111	Lê Khánh Chi	11/11/2011	9A1	Tân Triều	Địa lý	10.00
17	A118	Lưu Gia Huy	01/08/2011	9A4	Thanh Xuân Nam	Địa lý	10.00
18	A123	Trần Đức Tài	17/09/2011	9A1	Tân Triều	Địa lý	10.00
19	A131	Nguyễn Hưng Bách	24/03/2011	9A2	Tân Triều	Địa lý	9.50
20	A127	Lâm Thanh Sơn	25/03/2011	9A4	Thanh Xuân Nam	Địa lý	9.25
21	A120	Nguyễn Yến Nhi	09/10/2011	9A1	Tân Triều	Địa lý	9.00
22	A115	Đoàn Duy An	27/12/2011	9A4	Thanh Xuân Nam	Địa lý	8.50
23	A130	Triệu Đình Thảo	15/01/2011	9A4	Thanh Xuân Nam	Địa lý	8.50
24	A112	Nguyễn Nhã Linh	28/07/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Địa lý	8.00
25	A119	Nguyễn Chi Mai	16/06/2011	9C1	Chu Văn An	Địa lý	8.00
26	A113	Đỗ Bảo Hân	02/01/2011	9A2	Chu Văn An	Địa lý	6.50
27	A109	Nguyễn Phạm Linh Chi	26/01/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Địa lý	6.25
28	A126	Vũ Hà Anh	14/01/2011	9A1	Tân Triều	Địa lý	6.25
29	A106	Nguyễn Ngọc Anh	26/10/2011	9A1	Tân Triều	Địa lý	3.50

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 PHƯỜNG THANH LIỆT NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ - PHÂN MÔN LỊCH SỬ

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày 26/11/2025 của UBND phường Thanh Liệt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Môn	Điểm
1	A137	Lâm Triệu Hà Vy	16/08/2011	9A2	Tân Triều	Lịch sử	17.50
2	A142	Đặng Tú Quỳnh	24/04/2011	9B1	Chu Văn An	Lịch sử	17.00
3	A139	Vũ Ngọc Diệp	24/02/2011	9B1	Chu Văn An	Lịch sử	14.25
4	A141	Nguyễn Quang Lâm	15/04/2011	9A0	Nguyễn Lâm	Lịch sử	14.25
5	A144	Nguyễn Ngọc Trâm	13/01/2011	9A0	Nguyễn Lâm	Lịch sử	14.25
6	A145	Nguyễn Thị Thương	26/11/2011	9A4	Chu Văn An	Lịch sử	14.00
7	A138	Phạm Kiến Quốc	30/07/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Lịch sử	13.50
8	A156	Văn Hà Vi	01/08/2012	8TA1	Thanh Xuân Nam	Lịch sử	12.50
9	A135	Trần Thế Anh	20/12/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Lịch sử	11.75
10	A147	Trần Phúc Lâm	24/12/2011	9C1	Chu Văn An	Lịch sử	11.50
11	A134	Nguyễn Hà Anh	11/07/2011	9B1	Chu Văn An	Lịch sử	11.00
12	A136	Nguyễn Hà Ngọc Anh	10/03/2011	9B1	Chu Văn An	Lịch sử	10.00
13	A149	Nguyễn Thị Mai Hương	01/12/2011	9C1	Chu Văn An	Lịch sử	10.00
14	A159	Trần Minh Hoà	01/04/2011	9A4	Chu Văn An	Lịch sử	9.00
15	A140	Lê Hà Anh	06/01/2011	9A2	Thanh Xuân Nam	Lịch sử	8.25
16	A158	Ngô Hải Phong	28/09/2012	8A3	Thanh Xuân Nam	Lịch sử	8.00
17	A152	Hán Nguyễn Hải Vân	31/05/2012	8TA1	Thanh Xuân Nam	Lịch sử	7.50
18	A151	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	03/01/2011	9C2	Chu Văn An	Lịch sử	7.25
19	A153	Dương Hà Chi	13/03/2011	9C2	Chu Văn An	Lịch sử	7.25
20	A155	Nguyễn Đình Việt Anh	02/11/2011	9C2	Chu Văn An	Lịch sử	5.75
21	A146	Nguyễn Duy Thái	24/01/2011	9A4	Thanh Xuân Nam	Lịch sử	5.25
22	A157	Đỗ Ngọc Dương	23/06/2011	9C2	Chu Văn An	Lịch sử	5.00
23	A148	Nguyễn Trần Phương Ngân	17/12/2011	9A2	Tân Triều	Lịch sử	4.50
24	A150	Doãn Trần Thảo Nguyên	07/08/2012	8TA1	Thanh Xuân Nam	Lịch sử	4.00
25	A143	Nguyễn Hồng Hải	07/08/2011	9A3	Thanh Xuân Nam	Lịch sử	0.75
26	A154	Dương Thu Giang	08/11/2011	9A2	Nguyễn Lâm	Lịch sử	Bỏ thi

KẾT QUẢ KỶ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 PHƯỜNG THANH LIỆT NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày 26/11/2025 của UBND phường Thanh Liet

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Môn	Điểm
1	A164	Nguyễn Khánh Linh	23/08/2011	9C2	Chu Văn An	Giáo dục công dân	13.75
2	A169	Lưu Khánh Vân	19/05/2011	9C2	Chu Văn An	Giáo dục công dân	12.75
3	A161	Nguyễn Hồng Nhung	15/05/2011	9C1	Chu Văn An	Giáo dục công dân	12.50
4	A188	Nguyễn Minh Tú	17/07/2011	9A2	Thanh Xuân Nam	Giáo dục công dân	12.50
5	A165	Bùi Hùng Anh	02/05/2011	9C2	Chu Văn An	Giáo dục công dân	12.25
6	A191	Tạ Yến Vy	18/10/2011	9A2	Thanh Xuân Nam	Giáo dục công dân	12.25
7	A183	Hoàng Diệu Ly	19/01/2011	9A0	Nguyễn Lâm	Giáo dục công dân	12.00
8	A172	Nguyễn Thuý Dương	12/11/2011	9B1	Chu Văn An	Giáo dục công dân	11.75
9	A166	Vũ Ngọc Trâm	09/02/2011	9C2	Chu Văn An	Giáo dục công dân	11.50
10	A167	Nguyễn Diệu Phương Ly	02/08/2011	9C2	Chu Văn An	Giáo dục công dân	11.25
11	A174	Nguyễn Minh Anh	11/01/2011	9C2	Chu Văn An	Giáo dục công dân	11.25
12	A173	Vũ Khánh Ngọc	09/06/2011	9B1	Chu Văn An	Giáo dục công dân	11.00
13	A199	Vũ Ngọc Khánh An	21/09/2012	8TA0	Thanh Xuân Nam	Giáo dục công dân	11.00
14	A171	Hà Thu Hương	12/11/2011	9C2	Chu Văn An	Giáo dục công dân	10.75
15	A184	Đỗ Phương Hiền	03/11/2011	9A3	Nguyễn Lâm	Giáo dục công dân	10.50
16	A186	Phạm Bảo Ngọc	06/11/2011	9A3	Nguyễn Lâm	Giáo dục công dân	10.50
17	A190	Đào Ngọc Minh Thủy	24/02/2011	9A2	Thanh Xuân Nam	Giáo dục công dân	10.50
18	A205	Vũ Diệu Vy	29/07/2012	8TA1	Thanh Xuân Nam	Giáo dục công dân	10.50
19	A160	Trần Phương Linh	03/01/2011	9A4	Chu Văn An	Giáo dục công dân	10.00
20	A170	Trần Ngọc Trang Nghi	21/10/2011	9C2	Chu Văn An	Giáo dục công dân	10.00
21	A181	Nguyễn Lâm Oanh	06/04/2011	9A3	Tân Triều	Giáo dục công dân	10.00
22	A189	Lê Ngọc Diệp	18/07/2011	9A2	Thanh Xuân Nam	Giáo dục công dân	10.00
23	A168	Nguyễn Thị Khánh Huyền	23/01/2011	9C2	Chu Văn An	Giáo dục công dân	9.00
24	A185	Nguyễn Thị Minh Khuê	02/01/2011	9A3	Nguyễn Lâm	Giáo dục công dân	8.75
25	A178	Lã Mai Phương	17/07/2011	9A2	Tân Triều	Giáo dục công dân	8.50
26	A187	Phạm Tuấn Phong	18/04/2011	9A2	Thanh Xuân Nam	Giáo dục công dân	8.50
27	A163	Nguyễn Diệp Anh	07/04/2011	9C2	Chu Văn An	Giáo dục công dân	8.25
28	A196	Trịnh Minh Anh	30/08/2012	8TA0	Thanh Xuân Nam	Giáo dục công dân	8.25
29	A182	Nguyễn Ngọc Anh Thúy	22/09/2011	9A1	Tân Triều	Giáo dục công dân	8.00
30	A201	Vũ Quỳnh Trang	02/11/2012	8TA1	Thanh Xuân Nam	Giáo dục công dân	8.00

kye

31	A202	Hoàng Gia	Bảo	02/10/2012	8TA1	Thanh Xuân Nam	Giáo dục công dân	8.00
32	A192	Đoàn Bảo	Ngọc	30/03/2012	8TA0	Thanh Xuân Nam	Giáo dục công dân	7.75
33	A195	Bùi Hương Hà	My	12/03/2012	8TA0	Thanh Xuân Nam	Giáo dục công dân	7.50
34	A162	Nguyễn Minh	Nguyệt	22/10/2011	9C1	Chu Văn An	Giáo dục công dân	7.00
35	A179	Triệu Như	Quỳnh	23/11/2011	9A2	Tân Triều	Giáo dục công dân	7.00
36	A193	Phan Nguyễn Hà	My	02/06/2012	8TA0	Thanh Xuân Nam	Giáo dục công dân	7.00
37	A200	Trịnh Mai	Phuong	28/01/2012	8TA0	Thanh Xuân Nam	Giáo dục công dân	7.00
38	A176	Nguyễn Thuỳ	Dương	30/10/2011	9A2	Tân Triều	Giáo dục công dân	6.75
39	A177	Trương Thu	Huế	11/07/2011	9A2	Tân Triều	Giáo dục công dân	6.75
40	A180	Nguyễn Minh	Ngọc	19/09/2011	9A4	Tân Triều	Giáo dục công dân	6.75
41	A197	Hoàng Việt	Cường	24/10/2012	8TA0	Thanh Xuân Nam	Giáo dục công dân	6.25
42	A204	Đỗ Hoàng	Minh	22/10/2012	8TA1	Thanh Xuân Nam	Giáo dục công dân	6.25
43	A198	Trần Minh	Nhật	15/08/2012	8TA0	Thanh Xuân Nam	Giáo dục công dân	5.50
44	A194	Nguyễn Hứa Minh	Huyền	22/11/2012	8TA0	Thanh Xuân Nam	Giáo dục công dân	5.25
45	A203	Ngô Chí	Anh	15/06/2012	8TA1	Thanh Xuân Nam	Giáo dục công dân	4.25
46	A175	Trương Hà	My	22/07/2011	9A3	Tân Triều	Giáo dục công dân	3.75

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 PHƯỜNG THANH LIỆT NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN - MẠCH NỘI DUNG: NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI NĂNG LƯỢNG

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày 26/11/2025 của UBND phường Thanh Liet

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Môn	Điểm
1	A227	Nguyễn Hoàng Nam	18/07/2011	9A5	Thanh Xuân Nam	KHTN (Năng lượng)	17.25
2	A206	Vũ Anh Huy	23/06/2011	9B2	Chu Văn An	KHTN (Năng lượng)	16.00
3	A208	Hoàng Gia An	16/05/2011	9C1	Chu Văn An	KHTN (Năng lượng)	16.00
4	A209	Phan Minh Quang	08/06/2011	9B3	Chu Văn An	KHTN (Năng lượng)	14.25
5	A216	Giang Nguyên Bảo	17/08/2011	9A0	Nguyễn Lâm	KHTN (Năng lượng)	14.25
6	A229	Phạm Quang Anh	09/02/2012	8TA1	Thanh Xuân Nam	KHTN (Năng lượng)	13.50
7	A211	Trần Đức Anh	18/12/2011	9A2	Chu Văn An	KHTN (Năng lượng)	12.00
8	A212	Phạm Bảo Nhật Hà	10/10/2012	8C1	Chu Văn An	KHTN (Năng lượng)	11.75
9	A217	Phạm Văn Đăng Khoa	13/12/2011	9A0	Thanh Xuân Nam	KHTN (Năng lượng)	10.50
10	A207	Đồng Sỹ Kiên	16/03/2011	9C1	Chu Văn An	KHTN (Năng lượng)	10.25
11	A210	Phạm Minh Khuê	28/01/2011	9A1	Chu Văn An	KHTN (Năng lượng)	9.25
12	A214	Nguyễn Quang Huy	14/12/2011	9A1	Tân Triều	KHTN (Năng lượng)	9.00
13	A226	Nguyễn Vũ Minh	11/10/2011	9A5	Thanh Xuân Nam	KHTN (Năng lượng)	8.50
14	A213	Nguyễn Bá Bảo Tài	16/01/2012	8D1	Chu Văn An	KHTN (Năng lượng)	8.25
15	A220	Chu Vĩnh Huy	22/08/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	KHTN (Năng lượng)	7.75
16	A215	Đặng Gia Bình	30/05/2011	9A2	Tân Triều	KHTN (Năng lượng)	7.50
17	A225	Cao Tường Lâm	03/08/2011	9A5	Thanh Xuân Nam	KHTN (Năng lượng)	7.25
18	A219	Lê Quỳnh Chi	15/01/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	KHTN (Năng lượng)	5.50
19	A218	Đinh Trí Anh	27/01/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	KHTN (Năng lượng)	4.50
20	A222	Phí Phương Ngọc	19/04/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	KHTN (Năng lượng)	3.75
21	A228	Ngô Thanh Tùng	19/12/2011	9A5	Thanh Xuân Nam	KHTN (Năng lượng)	3.25
22	A221	Phạm Quang Minh	27/08/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	KHTN (Năng lượng)	Bỏ thi
23	A223	Phạm Kiến Quốc	30/07/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	KHTN (Năng lượng)	Bỏ thi
24	A224	Triệu Văn Hiến	30/01/2011	9A5	Thanh Xuân Nam	KHTN (Năng lượng)	Bỏ thi

10/11

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 PHƯỜNG THANH LIỆT NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN - MẠCH NỘI DUNG: CHẤT VÀ SỰ BIẾN ĐỔI CHẤT

(Kèm theo Thông báo số

/TB-UBND ngày 26/11/2025 của UBND phường Thanh Liệt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Môn	Điểm
1	A246	Đỗ Xuân Phát	29/09/2011	9A5	Thanh Xuân Nam	KHTN (Chất)	15.00
2	A230	Nguyễn Lê Ánh Dương	08/04/2011	9B1	Chu Văn An	KHTN (Chất)	13.00
3	A231	Nguyễn Trịnh Bảo Châu	04/03/2011	9A1	Chu Văn An	KHTN (Chất)	12.00
4	A241	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	29/07/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	KHTN (Chất)	11.75
5	A245	Trần Thái Hưng	20/03/2011	9A2	Thanh Xuân Nam	KHTN (Chất)	11.25
6	A244	Nguyễn Khánh Tùng	26/10/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	KHTN (Chất)	8.00
7	A240	Trần Đức Minh	09/09/2011	9A2	Nguyễn Lâm	KHTN (Chất)	7.75
8	A237	Vũ Nam Phong	29/06/2011	9A0	Nguyễn Lâm	KHTN (Chất)	7.50
9	A236	Hoàng Kim Ngân	08/08/2011	9A4	Tân Triều	KHTN (Chất)	7.25
10	A238	Vũ Ngọc Bảo Chi	20/04/2011	9A0	Nguyễn Lâm	KHTN (Chất)	7.25
11	A239	Đỗ Thanh Lâm	30/01/2011	9A1	Nguyễn Lâm	KHTN (Chất)	7.25
12	A232	Huỳnh Khang Linh	06/03/2011	9A1	Chu Văn An	KHTN (Chất)	7.00
13	A249	Nguyễn Hải Minh	12/02/2012	8TA1	Thanh Xuân Nam	KHTN (Chất)	7.00
14	A233	Nguyễn Mai Anh	24/06/2011	9C3	Chu Văn An	KHTN (Chất)	6.75
15	A234	Hoàng Duy Minh Đức	07/08/2011	9C3	Chu Văn An	KHTN (Chất)	6.75
16	A235	Trần Đăng Lộc	28/11/2011	9A2	Chu Văn An	KHTN (Chất)	5.75
17	A242	Nguyễn Tiến Minh	21/10/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	KHTN (Chất)	5.75
18	A250	Nguyễn Huy Quang	14/10/2012	8TA1	Thanh Xuân Nam	KHTN (Chất)	5.75
19	A247	Vũ Thu Hà	16/02/2012	8TA1	Thanh Xuân Nam	KHTN (Chất)	5.00
20	A248	Phạm Đức Kiên	10/01/2012	8TA0	Thanh Xuân Nam	KHTN (Chất)	5.00
21	A243	Nguyễn Thị Kim Ngân	15/03/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	KHTN (Chất)	4.75

Handwritten signature

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 PHƯỜNG THANH LIỆT NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN - MẠCH NỘI DUNG: VẬT SỐNG

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày 26/11/2025 của UBND phường Thanh Liet

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Môn	Điểm
1	A253	Phạm Nguyễn Ngọc Tùng	12/10/2011	9A1	Chu Văn An	KHTN (Vật sống)	14.30
2	A259	Phạm Bảo Hân	15/03/2011	9A2	Chu Văn An	KHTN (Vật sống)	13.00
3	A256	Trần Hoài An	23/05/2011	9A3	Chu Văn An	KHTN (Vật sống)	12.43
4	A251	Vũ Hoàng Lê	13/10/2011	9A1	Chu Văn An	KHTN (Vật sống)	11.88
5	A254	Bùi Minh Đức	13/06/2011	9A1	Chu Văn An	KHTN (Vật sống)	10.83
6	A261	Trần Tuệ Nhi	01/04/2011	9C2	Chu Văn An	KHTN (Vật sống)	10.38
7	A255	Trần Hà An	30/07/2011	9A1	Chu Văn An	KHTN (Vật sống)	10.13
8	A252	Vũ Minh Khôi	03/10/2011	9A1	Chu Văn An	KHTN (Vật sống)	10.10
9	A263	Vũ Bảo Châu	29/03/2011	9C1	Chu Văn An	KHTN (Vật sống)	10.08
10	A258	Trịnh Tuấn Kiệt	15/01/2011	9B1	Chu Văn An	KHTN (Vật sống)	10.05
11	A273	Mai Phạm Ngọc Lam	26/07/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	KHTN (Vật sống)	9.43
12	A257	Lê Việt Hòa	01/07/2011	9B1	Chu Văn An	KHTN (Vật sống)	8.85
13	A260	Hoàng Thanh Giang	25/08/2011	9A3	Chu Văn An	KHTN (Vật sống)	8.58
14	A275	Phạm Bảo Khánh	10/09/2011	9A5	Thanh Xuân Nam	KHTN (Vật sống)	8.53
15	A267	Nguyễn Huy Khánh	25/10/2011	9A0	Thanh Xuân Nam	KHTN (Vật sống)	8.08
16	A266	Nguyễn Kim Tiến Bảo	14/02/2011	9A0	Thanh Xuân Nam	KHTN (Vật sống)	6.52
17	A268	Đỗ Chu Bảo Ngọc	27/11/2011	9A0	Thanh Xuân Nam	KHTN (Vật sống)	6.50
18	A265	Vũ Hồng Minh	29/12/2011	9A2	Tân Triều	KHTN (Vật sống)	6.05
19	A264	Vũ An Khôi Nguyên	02/04/2011	9A4	Tân Triều	KHTN (Vật sống)	4.78
20	A262	Lê Bá Gia Khánh	26/02/2011	9C2	Chu Văn An	KHTN (Vật sống)	4.28
21	A274	Nguyễn Kiều Nhi	30/01/2011	9A2	Thanh Xuân Nam	KHTN (Vật sống)	4.13
22	A270	Nguyễn Phương Thảo	23/03/2011	9A0	Thanh Xuân Nam	KHTN (Vật sống)	3.53
23	A271	Lê Quốc Triệu	22/06/2011	9A0	Thanh Xuân Nam	KHTN (Vật sống)	3.25
24	A269	Triệu Hải Phương	18/02/2011	9A0	Thanh Xuân Nam	KHTN (Vật sống)	3.10
25	A272	Giang Thanh Trúc	21/03/2011	9A0	Thanh Xuân Nam	KHTN (Vật sống)	1.55

lưu

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 PHƯỜNG THANH LIỆT NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: TIẾNG ANH

(Kèm theo Thông báo số

/TB-UBND ngày 26/11/2025 của UBND phường Thanh Liet

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Môn	Thang điểm 100	Thang điểm 20
1	A329	Tạ Trần Nhật Minh	29/01/2011	9V1	Vietchool Pandora	Tiếng Anh	82.00	16.40
2	A301	Bùi Minh Đức	15/01/2011	9A1	Nguyễn Lân	Tiếng Anh	80.00	16.00
3	A322	Lê Hoàng Vũ	03/06/2012	8TA0	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	79.00	15.80
4	A307	Nguyễn Trần Hoàng Minh	17/04/2012	8TA3	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	79.00	15.80
5	A285	Hà Đức Huy	16/09/2011	9C1	Chu Văn An	Tiếng Anh	78.00	15.60
6	A313	Vũ Minh Hải	18/10/2011	9A2	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	77.00	15.40
7	A308	Vũ Gia Khánh	14/04/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	75.00	15.00
8	A319	Vũ Hải Phong	22/05/2012	8TA0	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	72.00	14.40
9	A332	Lê Phương Tuệ Mỹ	26/01/2011	9V1	Vietchool Pandora	Tiếng Anh	72.00	14.40
10	A279	Phạm Phương Anh	14/12/2011	9B1	Chu Văn An	Tiếng Anh	71.00	14.20
11	A294	Trương Khánh Chi	17/06/2011	9A1	Tân Triều	Tiếng Anh	71.00	14.20
12	A309	Nguyễn Trọng Khoa	17/04/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	71.00	14.20
13	A311	Đào Quang Thắng	16/02/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	71.00	14.20
14	A334	Lưu Ngọc Hoàng Nhi	06/04/2011	9V1	Vietchool Pandora	Tiếng Anh	70.00	14.00
15	A293	Nguyễn Thị Thảo Nhi	16/02/2011	9A1	Tân Triều	Tiếng Anh	69.00	13.80
16	A310	Hà Ngọc Khánh Linh	14/03/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	69.00	13.80
17	A314	Triệu Quang Minh	18/06/2011	9A2	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	69.00	13.80
18	A331	Trần Quang Anh	31/8/2011	9V1	Vietchool Pandora	Tiếng Anh	69.00	13.80
19	A292	Phạm Huyền Trang	13/06/2011	9A1	Tân Triều	Tiếng Anh	68.00	13.60
20	A327	Trần Vũ Gia Hân	21/10/2012	8TA2	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	68.00	13.60
21	A280	Chu Thảo Nguyên	25/05/2011	9B1	Chu Văn An	Tiếng Anh	67.00	13.40
22	A297	Vũ Tuấn Minh	31/05/2011	9A2	Tân Triều	Tiếng Anh	67.00	13.40
23	A317	Nhâm Vũ Khanh	14/12/2012	8TA0	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	67.00	13.40
24	A298	Hà Thị Thu Hải	03/02/2011	9A2	Tân Triều	Tiếng Anh	64.00	12.80
25	A333	Nguyễn Thị Hạ Thảo	17/11/2011	9V1	Vietchool Pandora	Tiếng Anh	64.00	12.80
26	A277	Vũ Nhật Minh	22/01/2011	9A1	Chu Văn An	Tiếng Anh	63.00	12.60
27	A302	Nguyễn Duy Khánh	25/11/2011	9A0	Nguyễn Lân	Tiếng Anh	63.00	12.60
28	A315	Nguyễn Thực Uyên	11/11/2011	9A5	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	63.00	12.60

29	A276	Phạm Lê	Minh	17/04/2011	9A1	Chu Văn An	Tiếng Anh	62.00	12.40
30	A284	Trần Ngọc Bảo	Châu	16/10/2011	9C1	Chu Văn An	Tiếng Anh	62.00	12.40
31	A330	Song	Jennifer	26/4/2011	9V1	Vietchool Pandora	Tiếng Anh	62.00	12.40
32	A296	Nguyễn Ngọc Gia	Mỹ	07/02/2011	9A2	Tân Triều	Tiếng Anh	61.00	12.20
33	A303	Lê Diệp	An	01/12/2011	9A0	Nguyễn Lâm	Tiếng Anh	61.00	12.20
34	A320	Đặng Nam	Phong	22/06/2012	8TA0	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	61.00	12.20
35	A305	Đỗ Minh	Quân	01/02/2011	9A0	Nguyễn Lâm	Tiếng Anh	60.00	12.00
36	A307	Nguyễn Hà	Giang	02/12/2011	9A1	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	60.00	12.00
37	A312	Trần Gia	Khiêm	23/02/2011	9A2	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	60.00	12.00
38	A324	Nguyễn Hoàng	Hải	19/04/2012	8TA3	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	58.00	11.60
39	A306	Nguyễn Văn	An	26/05/2011	9A0	Nguyễn Lâm	Tiếng Anh	57.00	11.40
40	A318	Lê Bách	Nguyên	02/08/2012	8TA0	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	57.00	11.40
41	A282	Nguyễn Thúy	An	17/01/2011	9B4	Chu Văn An	Tiếng Anh	56.00	11.20
42	A286	Nguyễn Vân	Khánh	03/08/2011	9C1	Chu Văn An	Tiếng Anh	56.00	11.20
43	A300	Nguyễn Thảo	Vi	19/12/2011	9A1	Nguyễn Lâm	Tiếng Anh	56.00	11.20
44	A287	Nguyễn Phạm Cát	Thảo	15/02/2011	9C1	Chu Văn An	Tiếng Anh	55.00	11.00
45	A281	Lê An	Bình	17/05/2011	9B3	Chu Văn An	Tiếng Anh	54.00	10.80
46	A283	Nguyễn Hoàng	Bách	10/08/2011	9C1	Chu Văn An	Tiếng Anh	54.00	10.80
47	A288	Nguyễn Mai	Vân	19/05/2011	9C1	Chu Văn An	Tiếng Anh	53.00	10.60
48	A335	Trần Đăng	Khoa	04/09/2011	9V1	Vietchool Pandora	Tiếng Anh	53.00	10.60
49	A304	Phùng Khánh	Linh	06/07/2011	9A0	Nguyễn Lâm	Tiếng Anh	52.00	10.40
50	A328	Nguyễn Thọ Hoàng	Bách	26/12/2012	8TA2	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	51.00	10.20
51	A291	Hồ Uyên	Vy	17/06/2011	9A1	Tân Triều	Tiếng Anh	49.00	9.80
52	A325	Triệu Khánh	An	10/03/2012	8A3	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	47.00	9.40
53	A290	Vũ Thị Thanh	Trúc	19/09/2011	9C1	Chu Văn An	Tiếng Anh	45.00	9.00
54	A289	Trần Nhị	Hà	20/09/2011	9C1	Chu Văn An	Tiếng Anh	43.00	8.60
55	A295	Ngô Minh	Châu	19/02/2011	9A3	Tân Triều	Tiếng Anh	43.00	8.60
56	A278	Lại Phương	Thảo	04/09/2011	9A1	Chu Văn An	Tiếng Anh	42.00	8.40
57	A316	Nguyễn Ngọc Ngân	An	20/7/2012	8TA0	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	42.00	8.40
58	A299	Hoàng Minh	Thư	11/10/2011	9A2	Tân Triều	Tiếng Anh	39.00	7.80
59	A323	Nguyễn Phương	Thảo	23/5/2012	8TA1	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	38.00	7.60
60	A321	Phạm Chí	Thành	28/2/2012	8TA0	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	32.00	6.40
61	A326	Nguyễn Doanh	Doanh	15/06/2012	8A3	Thanh Xuân Nam	Tiếng Anh	22.00	4.40

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 PHƯỜNG THANH LIỆT NĂM HỌC 2025 - 2026**MÔN: TIN HỌC***(Kèm theo Thông báo số**/TB-UBND ngày 26/11/2025 của UBND phường Thanh Liệt*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Môn	Điểm
1	A341	Vũ Ngọc Mai Chi	04/06/2012	8A1	Chu Văn An	Tin học	19.00
2	A337	Lã Gia Vinh	14/03/2011	9C2	Chu Văn An	Tin học	17.60
3	A345	Đình Thanh Hải	12/11/2012	8C3	Chu Văn An	Tin học	14.40
4	A340	Nguyễn Trọng Tùng	10/06/2011	9C1	Chu Văn An	Tin học	12.80
5	A347	Cao Hạo Nhiên	12/06/2011	9A4	Tân Triều	Tin học	12.00
6	A343	Vũ Phúc Nguyên	09/11/2012	8D1	Chu Văn An	Tin học	11.20
7	A338	Trần Tiến Dũng	27/12/2011	9B1	Chu Văn An	Tin học	10.00
8	A339	Nguyễn Thiên Minh	05/12/2011	9B1	Chu Văn An	Tin học	10.00
9	A342	Chu Đức Minh	29/11/2012	8A1	Chu Văn An	Tin học	10.00
10	A344	Nguyễn Anh Dũng	02/03/2012	8C1	Chu Văn An	Tin học	10.00
11	A346	Nguyễn Hữu Gia Minh	26/05/2011	9A1	Tân Triều	Tin học	10.00
12	A349	Chử Minh Huy	29/12/2012	8TA3	Thanh Xuân Nam	Tin học	5.00
13	A350	Phan Trường Giang	21/09/2012	8A4	Thanh Xuân Nam	Tin học	3.00
14	A348	Phan Thiên Bảo	11/02/2012	8TA3	Thanh Xuân Nam	Tin học	2.00

kinh